TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÊ LINH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 307*/2022/QĐST/HNGĐ*

Mê Linh, ngày 26 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 307/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ sinh năm 1973;

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn T, xã H, huyện L, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1977;

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn T, xã H, huyện L, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 38/2000, ngày 17/12/2000, tại UBND xã H, huyện L, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18/10/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. ***Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:*** Anh Nguyễn Văn Đ và chị

Trần Thị Thu H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2001 và Nguyễn Quang H, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2009.

Giao cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2009 cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác về nuôi con chung; Anh Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Huy cùng chị H vì chị H không yêu cầu. Sau khi ly hôn anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Đối với cháu H, đã trên 18 tuổi, không đề nghị giải quyết, không xem xét.

- Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức; công nợ: Không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

- Về án phí: Anh Đ tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Xác nhận anh Đ đã nộp đủ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0020715 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Hoàn trả lại anh Đ số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND L.*
- *Chi cục THADS L.*
- *CQ đã thực hiện việc ĐKKH*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ; VP.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Định